

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15 – 7 - 2022.

V/v ly hôn giữa chị S và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S – Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Xóm 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Xóm 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2022 cũng như lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị S tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào tháng 02/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm

được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 10/2017 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Phạm Thị S xác định giữa chị và anh T có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004; cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011. Hiện cháu D và cháu D1 đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị S xin nhận trực tiếp nuôi cháu D và cháu D1 còn để anh T trực tiếp nuôi cháu L. Và chị không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị Phạm Thị S đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do nhưng lời khai của anh T tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Phạm Thị S vào tháng 02/2002 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và chị S không muốn ở với anh. Nay chị S xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn các con có bố, có mẹ còn chị S muốn ly hôn thì tùy chị S.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T xác định giữa anh và chị S có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004; cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011. Hiện cháu D và cháu D1 đang do chị S chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cả ba con chung và anh không yêu cầu chị S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004; cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Phạm Thị S xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và là vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T vào tháng 02 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị S, anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau, đến tháng 10/2017 vợ chồng chị S anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh T không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn các con có bố và có mẹ còn chị S muốn ly hôn thì tùy chị S. Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả. Mặt khác Tòa án đã tạo điều kiện hoà giải để hai bên về đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại buổi hoà giải và anh T chị S sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 10/2017

cho đến nay không ai quan tâm đến ai do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị S xin ly hôn anh T xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét việc anh T không nhất trí ly hôn thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa anh T với chị S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004; cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 và cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011. Hiện cháu D và cháu D1 đang do chị S chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị S xin nhận trực tiếp nuôi cháu D và cháu D1 còn để anh T trực tiếp nuôi cháu L. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T xin nhận trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu chị S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyên vọng nuôi con chung của chị S và anh T đều là chính đáng. Nhưng hiện nay cháu D và cháu D1 đang do chị S chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu L đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác cháu D và cháu D1 đều là nữ và có nguyện vọng xin được ở với mẹ còn cháu L có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy nên giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 14/12/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh ngày 06/11/2007 cho chị Phạm Thị S tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 01/10/2011 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện cháu D và cháu D1 đang do chị S chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu L đang do anh T chăm sóc nuôi dưỡng). Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0000673 ngày 17/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương